

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 621/2019/DS-ST

Ngày: 29/11/2019.

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Ngọc Tiến.

2. Bà Đào Ngọc Bích.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Mạnh Thị Tú Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 252/2019/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 320/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Đường L, phường M, Quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn M (Theo Giấy ủy quyền số 15362/2019/UQ-PGĐK ngày 26/4/2019).

Địa chỉ: Đường C, Phường M, Quận N, Tp.Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Bùi Hữu H, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Đường Đ, Phường M, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng, thì nguyên đơn trình bày nội dung vụ án như sau:

Ngày 29/8/2016, Ngân hàng TMCP V đã cho ông Bùi Hữu H vay Hợp đồng tín dụng giải ngân với số tiền là 70.350.000 đồng (Căn cứ giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn, ký ngày 25/08/2016), thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 36%/năm, mỗi tháng phải trả 3.242.602 đồng, tháng cuối cùng phải trả 3.242.604 đồng vào ngày 29 hàng tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, khách hàng đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng đã ký. Ngày 30/11/2017 Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay của ông H. Ông H đã thanh toán được 55.343.701 đồng (Trong đó 20.528.679 tiền nợ gốc và 34.815.022 đồng tiền nợ lãi). Từ ngày 24/5/2018 đến tháng 9/2019 ông H không thanh toán cho Ngân hàng một khoản tiền nào. Phía Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho ông H thanh toán nhưng ông H cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày 29/11/2019, ông H còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc: 46.571.321 đồng.

Nợ lãi : 47.646.156 đồng.

Tổng cộng: 94.217.477 đồng.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông H phải trả ngay một lần cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/11/2019 là 94.217.477 đồng và chịu lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại Khoản 3 Điều 7 Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử và Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử cho đến khi ông H thi hành xong.

Bị đơn – ông Bùi Hữu H không đến tòa tham gia tố tụng dù đã được tổng đạt hợp lệ nên không có trình bày ý kiến của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, đủ điều kiện mở phiên tòa xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Thro kết quả xác minh của Công an Phường 10, Quận 10, bị đơn – ông Bùi Hữu H cư trú cuối cùng ở địa chỉ Đường Đ, Phường M, Quận 10. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP V là tổ chức tín dụng khởi kiện yêu cầu ông H thanh toán số tiền ông H đã vay theo Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn ngày 25/8/2016 và Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử (sau đây gọi tắt là Bộ điều khoản và điều kiện), Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Về thủ tục tố tụng:

[3.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3.2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn - ông H đến Tòa án tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình nhưng ông H không tham gia và không có trình bày ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Sau khi hoãn phiên tòa lần thứ nhất, và tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung:

[4.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn, ký ngày 25/8/2016 của Ngân hàng TMCP V nhận thấy ngày 25/8/2016 ông H có ký Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn (sau đây gọi là Hợp đồng tín dụng) với nội dung cơ bản như sau: Số tiền đề nghị vay: 70.350.000 đồng và lãi suất vay cố định là 36%/năm. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xem xét nội dung của Giấy đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ, dịch vụ ngân hàng điện tử và vay vốn, ký ngày 25/8/2016 là sự thỏa thuận giữa Ngân hàng TMCP V và ông H.

[4.1] Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc: Theo lịch trả nợ, ngày 29 (riêng tháng 2 là ngày 28) từ ngày 29/9/2019 đến ngày 29/8/2019 ông H có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng 3.242.602 đồng/tháng. Qua xem xét Bảng chi tiết tính lãi ngày 29/11/2019 của Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy từ ngày Ngân hàng giải ngân đến nay, ông H đã nhiều lần vi phạm thời hạn thanh toán và đến ngày 30/11/2017 Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn. Căn cứ Điều 6 của Bộ điều khoản và điều kiện, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ông H thanh toán toàn bộ nợ gốc trước hạn của Ngân hàng. Ông H được giải ngân số tiền gốc 70.350.000 đồng, ông đã thanh toán số tiền gốc là 23.778.679 đồng, còn nợ gốc 46.571.321 đồng. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng đối với nợ gốc là 46.571.321 đồng.

[4.2] Xét yêu cầu thanh toán tiền lãi: Căn cứ Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 có quy định “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư, phát triển và đời sống có hiệu quả”, Hội đồng xét xử xét thấy, mức lãi suất trong hạn đã thỏa thuận của hai bên là 36%/năm và lãi quá hạn là 36%/năm x 150% phù hợp với Điều 90 Luật các Tổ chức tín dụng. Ông H vi phạm thời hạn thanh toán tiền lãi từ ngày 30/11/2017, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 7 Bộ điều khoản và Điều kiện chấp nhận yêu cầu tiền lãi quá hạn của Ngân hàng từ ngày 30/11/2017 đến ngày 29/11/2019 là 47.646.156 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc yêu cầu ông H thanh toán cho Ngân hàng với nợ gốc là 46.571.321 đồng, nợ lãi phát sinh là 47.646.156 đồng. Tổng cộng: 94.217.477 đồng. Ngoài ra, kể từ ngày 30/11/2019 ông H còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại Bộ điều khoản và điều kiện cho đến khi ông H thi hành xong nghĩa vụ thanh toán nêu trên.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án là 5% x 94.217.477 đồng = 4.710.873 đồng, do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3, Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;
- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Ông Bùi Hữu H phải thanh toán cho Ngân Hàng TMCP V số tiền 94.217.477 (Chín mươi bốn triệu, hai trăm mười bảy ngàn, bốn trăm bảy mươi bảy) đồng. (Trong đó vốn gốc 46.571.321 đồng, tiền lãi là 47.646.156 đồng). Ngoài ra, kể từ ngày 30/11/2019 ông H còn phải chịu lãi quá hạn trên nợ gốc theo thỏa thuận tại Bộ điều khoản và điều kiện về vay tiêu dùng, vay kinh doanh cá nhân và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và dịch vụ Ngân hàng điện tử cho đến khi ông H thi hành xong nghĩa vụ thanh toán nêu trên.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Hữu H phải chịu 4.710.873 (Bốn triệu bảy trăm mười ngàn, tám trăm bảy mươi ba) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.034.922 (Hai triệu, không trăm ba mươi bốn ngàn, chín trăm hai mươi hai) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017422 ngày 10/6/2019 của Chi cục Thi hành án Quận 10.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Phương